TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2024/DS-ST
Ngày 05 - 8 -2024
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hơn; Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm: 1986; địa chỉ: 4 ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2/ Bị đơn:

2.1/ Bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thanh V1), sinh năm: 1967; địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

2.2/ Ông Đỗ Văn L, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông Đỗ Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/5/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P trình bày:

Vào ngày 30 tháng 5 âm lịch năm 2018 bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V (hay còn gọi là Nguyễn Thanh V1) và ông Đỗ Văn L mượn số tiền 200.000.000đồng, không lãi suất, thời hạn 01 tháng, mục đích mượn tiền là để mua bán vải, có làm biên nhận ngày 31/5 âl do bà V1 tự viết và ký tên. Đến hạn bà V1, ông L không trả nợ theo thỏa thuận mà kéo dài đến cuối tháng 6 âm lịch năm 2019 bà V1 mới trả được 60.000.000đồng, cuối tháng 12 âm lịch năm 2021 bà V1 trả thêm được 40.000.000đồng. Từ đó cho đến nay bà V1, ông L không trả thêm khoản tiền nào khác. Do vậy bà P yêu cầu bà V1, ông L có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất

0,83%/tháng, kể từ tháng 12 âm lịch năm 2021 đến ngày làm đơn khởi kiện là 21 tháng, tiền lãi tạm tính là 100.000.000đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng = 21.580.000đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi tạm tính là 121.580.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

- Tại đơn yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện ngày 01/6/2024 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P trình bày: Bà P xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đỗ Văn L, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả lại số tiền gốc và lãi là 121.580.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

- Tại đơn đề nghị vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà có vay của bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền 200.000.000đồng và đã trả được 100.000.000đồng, còn lại 100.000.000đồng bà đồng ý trả cho bà P mà không liên quan gì đến ông Đỗ Văn L và gia đình của bà. Bản thân bà vay là để sử dụng riêng cho cá nhân, không có mang số tiền trên về gia đình sử dụng, bà buôn bán suốt ngày ngoài chợ nên ông L không hề hay biết. Bà không đồng ý ông Đỗ Văn L liên đới trong vụ án này, bản thân bà có trách nhiệm trả nhưng được trả dần theo khả năng vì bản thân bị thoái hóa cột sống lưng làm ăn khó khăn.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/5/2024, bị đơn là ông Đỗ Văn L trình bày: Bản thân ông không hay biết việc bà V có vay tiền của bà P, ông không có sử dụng số tiền này nên không đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ cho bà P. Ông L đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc và xin rút lại yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với bà V.

- Bị đơn là bà V và ông L vắng mặt nên không có lời trình bày của các đương sự này tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Vào năm 2018 bà Nguyễn Thị Hoài P có cho bà Nguyễn Thị V vay tổng số tiền 200.000.000đồng, có làm biên nhận đề ngày 31/5 âl. Đến đến cuối tháng 6 âm lịch năm 2019 bà V trả được 60.000.000đồng, cuối tháng 12 âm lịch năm 2021 bà V trả thêm được 40.000.000đồng. Ngày 17/4/2024, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V trả lại khoản tiền gốc 100.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 3 năm kể từ ngày người có quyền biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Bà P khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên xác định đây là quan hệ pháp luật về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định theo điều 468 của Bộ luật dân sự, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử (có đơn đề nghị vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bị đơn là ông Đỗ Văn L có đơn đề xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà V, ông L là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Bà P yêu cầu bà V, ông L liên đới trả số nợ gốc là 100.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà P có cung cấp biên nhận đề ngày 31/5 âl có chữ ký tên của bà V. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà V có văn bản thừa nhận còn nợ bà P số nợ gốc là 100.000.000đồng. Do vậy, việc bà P khởi kiện yêu cầu bà V trả số nợ gốc 100.000.000đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.2] Về trách nhiệm liên đới giữa vợ chồng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà P đã có văn bản xin rút một phần nội dung khởi kiện đối với ông Đỗ Văn L, không yêu cầu ông L liên đới cùng bà V trả nợ cho bà P. Xét yêu cầu này của bà P là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà P đối với bị đơn Đỗ Văn L là phù hợp.

[3.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 21.580.000đồng nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Hoài P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% x 100.000.000đồng = 5.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thanh V1).

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thanh V1) có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P đối với số tiền lãi là 21.580.000đ (hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

[3] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài P đối với bị đơn là ông Đỗ Văn L.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Hoài P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.040.000đ (ba triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000794 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre;

[4.2] Bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thanh V1) có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoài P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thanh V1) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Nguyễn Thị Hoài P có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thanh V1), ông Đỗ Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền